Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
206	176498	20.5.83	Phạm Ngọc Phúc	13.10.57 (Thái Bình) Thành phố Hồ Chí Minh
207	176499	–	Nguyễn Thị	8.9-58 Bình Thị Thừa
208	176500 176500	–	Nguyễn thị Thu Phương	30.12.1962 Mĩ tho - Tiền giang
209	176501	–	~~Hồ văn thành~~ (Huỷ)	~~03-5-1963~~ Tiền giang
210	176502	–	Nguyễn thanh Long	7.7.1961 Tân mĩ chánh - Mĩ tho T/giang

Số ....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
IIĐ	Địa chất	cấp II		Trung bình	1123 QĐ/TCCB 20/10/80	x	
4C	TK TC	cấp III		Khá	889 QĐ/TCCB 11/12/81	x	Ng. nhận 22/10/9[illegible] (nhận dùm) Sở TC Đồng Nai [signature] Ng Thu Anh Lớp 15K
IIC2	TK-TC	cấp II		Trung bình	1123 QĐ/TCCB 20/10/80	x	Sở TC Tiền giang
~~3T~~	~~TK-TC~~	~~cấp II~~		~~Khá~~	~~889 QĐ/TCCB~~ 11/12/81	x	Sở TC Tiền giang
2Đ	Địa chất	cấp II		Trung bình	1123 QĐTC	x	Sở TC Minh Hải

05 bằng cấp đợt 1
PGĐ
[signature]

Số

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
211	~~20.5.83~~ 176④503 (176503)	20.5.83	Nguyễn thành Danh	20.6.54 Cầu ngang - cửu Long
212	176④504 (176 504)	–	Nguyễn thông Quang	1.1-53 Cần thơ - Hậu giang. (18/9/1953)
~~213~~	~~1764505~~ (~~Hủy~~)	~~X~~ –	~~Khâm ngọc~~ ~~Nguyễn thành~~ Dũng (~~Hủy~~)	22.5-1960 Mĩ tho - Tiền giang
213	176505	X	Nguyễn thanh Dũng	1960 - Mĩ tho T. giang
214	176④506 (176 506)	–	Đặng Kim Tâm	10. 2. 1958 Nghĩa Bình
215	176④507 (176 507)	–	Lê văn Đức	19.1-1960 QNĐN Mĩ tho - Tiền giang

Số ....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
3C1	TK TC	Cấp III		Trung bình	1123 QĐ/TCCB 20/10/80	x	Sở TL Cửu Long
3C2	TK TC	Cấp II		Trung bình	412 QĐ/TCCB 2/10/81	x	Sở TL Hậu giang (Trạm số cấp)
3T ~~4T~~	~~Trắc địa~~	~~Cấp II~~		~~Trung~~ bình	889 QĐTCCB 11/12/81	x	Ban Q Lý Ruộng đất T/giang
3T →	4T Trắc địa			TBình	672 QĐTCCB,		
4N	Thủy Nông	Cấp II		Trung bình	672 QĐTCCB 9.12.82	x	BQLRĐ T/giang
3T ~~4T~~	Trắc địa	Cấp II		Trung bình	889 QĐTCCB 11/12/81	x	BQLRĐ T/giang

05 bằng cấp đợt 1 có ~~đã~~ ... PGV

[signature]

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
216	176508	20.5-83	Hồ văn Nguỹ	23.8-1961 Mỹ tho - Tiền giang
217	176509	-	Huỳnh văn Tám	1960 Tân châu - Long an
218	176510	-	Lê tấn Ai	10.10.1964 Tân châu - Long an
219	176511	-	Nguyễn ngọc Long	15.6.61 Tân châu - Long an
~~220~~	~~176512~~ X (Hủ)	-	~~Đào huỳnh Hiếu~~ (Hủ)	~~1.6.1957~~ P8 - Mỹ tho - Tiền giang

Số ....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
3T	Trắc địa	cấp II		Trung bình	889 QĐ/TCCB 11/12/81	x	STL TL Hậu Giang
3C2	T.K T.C	–		Trung bình	412 QĐ/TCCB 2/10/81	x [signature] chú Thành	
3C2	TKTC	–		Khá	412 QĐ/TCCB 2/10/81	x [signature]	Long an
3N2	Thủy nông	–		Khá	412 QĐ/TCCB 2/10/81	x [signature]	
~~1N~~ 3N1 (Lưu ban)	~~Thủy nông~~	~~–~~		~~Trung bình~~	~~1123 QĐ/TCCB~~ 20/10/80	x	

05 bằng cấp đợt 1 có 1 Hđ PGV

[signature]

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
221	176513	20.5.83	Hồ thị Thu Vân	10.10.1956 Cai Lậy - Tiền giang
222	176514	-	Nguyễn phước Lễ	Thị gạo - Tiền giang
223	176515	-	Nguyễn thị Lài	10.1-1959 Thị gạo - Tiền giang
224	176516	-	Vương thị Bích Đào	14-10-1957 Cái thố - Tiền giang
225	176517	-	Nguyễn Xuân Kỳ	1952 Ninh Khang - Hoa lư, Hà Nội

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
1N	Thuỷ nông	Cấp II		Khá	26 QĐ/TCCB 8/11/80	x	
2N	—	Cấp III		Trung bình	1375 QĐ TCCB ~~1123 QĐ/TCCB~~ 23/10/~~79~~	x	
3N1	—	Cấp III		Khá	1123 QĐ/TCCB 20/10/80	x	
1N Liên xí 3N1	—	Cấp III		Trung bình	1123 QĐ/TCCB 20/10/80	x	
4C2	T - K thi công	II		Trung bình	672 QĐ/TCCB 9/10/82	x	

05 tăng cấp đợt 1
P6V

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
226	176518	20.5-83	Nguyễn quang Minh	24.10.1960 Q III. T.P Hồ chí Minh
227	176519	–	Lê trọng Nhân	11-9-1962 Q5- T.P. Hồ chí Minh
228 (230)	176520	–	Phạm quốc Dũng	20-11-1962 Q III - T.P. Hồ chí Minh
229	176521	5/10/83	Trương thanh Tín	Vàm cỏ - Long An
230	176522	5/10/83	Lê thị Thanh Trúc	Gò công - Tiền giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
2T	Thái địa	cấp II		T. Bình	1123 QĐ/TCCB 20/10/80	Mai	
4T	Thái địa	cấp II		Khá	672 QĐ/TCCB 9/10/82	Dung	
4T	Thái địa	cấp II		T. bình	672 QĐ/TCCB 9/10/82		
$3N_1$	Thuỷ nông	cấp III		Khá	1123 QĐ/TCCB 20/10/80	[illegible]	
$3N_2$	Thuỷ nông	cấp 2		Trung bình	1112/TL/TCCB 2/10/1981	[illegible]	

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
231	176523	14/10/83	Trần văn Tuấn	Cailậy - Tiền giang
232	176524	-	Nguyễn thanh Lắm	Mỏ cày - Bến tre
233	176525	-	Trần thị Thanh	Sông bé
234	176527 (176527)	15/10/83	Nguyễn Huỳnh Trí	Mỹ Tho. Tiền Giang
235	176526	15/10/83	Ng Đình Chiến	Mỹ Tho - Tiền Giang

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
2N	Thủy nông	Cấp III		Khá	1375/QĐ/TCCB 1979		
2N	Thủy nông	Cấp III		Khá	1375/QĐ/TCCB 1980		
2D	~~Địa~~ Chất	Cấp II		~~Khá~~ Trung Bình	1123/QĐ/TCCB 20/10/1980		
2T	Trắc Địa	Cấp II		Trung Bình	1123/QĐ/TCCB 1980		
2T	Trắc Địa	Cấp II		Trung Bình	1123/QĐ/CTCB 1980.		

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
236	176528	17/10/83	Võ thanh Phương	20-2-62 Thành phố HCM
237	176529	17/10/83	Võ Duy Đạt	11-6-64 Thừa Thiên - Long An
238	176530	21/10/83	Hứ bỏ	
238	176531	22/10/83	Nguyễn văn Đức	30-6-62. T.P Hồ chí Minh
239	176532	10/11/83	Đoàn văn Trường	1962 Châu Thành - Bình Dương

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
4	TKTC	cấp 2		T. Bình	672/QĐ/TCCB 9-10-82		
4	TKTC	cấp 2		T. Bình	672/QĐ/TCCB 9-10-82		
4	Trắc địa	cấp 2		T. Bình	672/QĐ/TCCB 9/10/82		
37	T Địa	Cấp 2		T Bình	889/QĐ/TCCB 11/12/81		

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
240	176533	10/11/83	Trương văn Nam	26-6-1961 Tiền Giang - Sông Bé
241	176534	10/11/83	Lê văn Khiết	Bình Thuận
242	176535	10/11/83	Nguyễn ngọc Trai	8/3/64 Cần Giuộc - Tiền Giang
243	176536	10/11/83	Nguyễn Đức Trung	2/5/62 - Tiền Giang
244	176537	10/11/83	Lê Hữu Tài	2/5/61 Tiền Giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
3T	T. Địa	cấp 2		T. Bình	889/QĐ/TCCB 11/12/81		
4T	T. Địa	cấp 2		Khá	672/QĐ/TCCB 9/10/82		
3Đ	Địa chất	cấp 2		T. Bình	412/QĐ/TCCB 2/10/81		
2T	T. Địa	CQ cấp 2		T. Bình	1123/QĐ/TCCB 20/10/80		
2C2	TKTC	cấp 2		T Bình	1123/QĐ/TCCB 20/10/80		

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
245	176538	10/11/83	Trần văn Nay	12/10/62 Tiền Giang
~~246~~		10/11/83	~~Lê thanh Trung~~	1960 Cà Mau - Minh Hải
~~247~~		~~29/11/83~~	~~Lê văn Đạt~~	
246	176539	14/11/83	Nguyễn ~~Đình~~ Sơn	30/11/62 T.P HCM
247	176540	14/11/83	Đỗ Huy Hảnh	19/5/58 Hải Hưng

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
2C2	TKTC	cấp 2		Khá	1123 QĐ/TCCB 25/10/80		
4C1	TKTC	cấp 3		~~Tốt~~	889/QĐ/TCCB 11/12/81		chưa làm
3C1	TKTC	cấp 3					
4T	Trắc địa	cấp 2		T. Bình	672/QĐ/TCCB 9/10/82		
3N2	Thuỷ nông	cấp 2		Khá	412/QĐ/TCCB 2/10/81		

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
248	176541	14/11/83	Vũ Huy Dương	19/5/62 Thanh Hóa
249	176542	25/2/84	Nguyễn Văn Thanh	20/02/1965 Hậu giang
250	176543	25/2/84	Phan Chí Thành	23/02/1963 Tiền Giang
251	176544	25-4-84	Trần Văn Huấn	22-02-1963 Bến tre
252	176545	25-4-84	Võ Ngọc Thi	24-12-62 Tiền Giang

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
ba SN2	Thuỷ nông	cấp 2		T. Bình	412/QĐ/TCCB 2-10-81		
bốn 4N	Thuỷ nông	Cấp 2		Trung bình	672/QĐ TCCB 9-10-82		
bốn 4N	Thuỷ nông	Cấp 2		Trung bình	672/QĐ TCCB 9-10-82		
bốn 4N	Thuỷ nông	Cấp 2		Trung bình	672/QĐ TCCB 9-10-82		Sở TL Bến Tre
bốn 4N	Thuỷ nông	Cấp 2		Khá	672/QĐ TCCB 9-10-82		

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
253	176546	25-4-84	Lê Tấn Mới	19/11/1961 Tiền giang
254	176547	25-4-84	Vũ Ngọc Quí	23/01/1959 TP Hồ Chí Minh
~~255~~	~~176548~~ (Hủ bằng)		~~Nguyễn tấn Tài~~ (Có lưu bằng hủ)	~~1965~~ tiền giang
~~255~~	~~176549~~ (Hủ bằng)	~~6/3/84~~	~~Nguyễn tấn Tài~~	~~1965~~ ~~Tiền giang~~
256	176550	14/4/84	Nguyễn thị Nhung	20/4/1959 Đồng Nai

Số ....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
ba 3Đ	Địa chất			Trung bình	672/QĐ TCCB 9-10-82		Sở TT Bến Tre X
bốn 4N	Thủy nông			Trung Bình	672/QĐ TCCB 9-10-82		X
~~Năm~~ 5T	~~Trắc~~ Địa						(hủ bằng)
~~Năm~~ 5T	~~Trắc~~ Địa	~~Cấp II~~		~~Giỏi~~	~~56 QĐ/TCCB~~ 15/2/84		Sở Xây Dựng Tiền Giang
2C$_2$	Thiết kế thi công	Cấp II		Trung bình	1123/TCCB 20/10/80		Thủy lợi 3

Số

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
257	176551	25-04-84	Nguyễn Minh Đức	08 - 08 - 63 TP. Hồ Chí Minh
~~258~~	~~176552~~ (Hư bằng)	~~25-04-84~~	~~Trần văn Qúa~~ (có liệu bằng hư)	~~02 - 11 - 63~~ Tiền giang
259	176553	25-04-84	Nguyễn Ngọc Trân	9 - 11 - 64 Tiền giang
260	176554	25-04-84	Nguyễn Ngọc Bích	5 - 8 - 61 Tiền giang
261	176555	25-04-84	~~11 - 04 - 61~~ Nguyễn văn Nhất Chi Mai	11 - 04 - 61 TP Hồ Chí Minh
262	176556	25-04-84	Nguyễn văn Thú	Nghĩa Bình 20 - 08 - 58

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
III 3Đ	Địa chất	cấp 2		Trung bình	412/GD TCCB 2/10/87		Sở TL Hòng Bé
~~IV~~ 4N	~~Thủy~~ nông	~~cấp 2~~		~~Khá~~	~~672/GD TCCB~~ 9-10-82		Sở Thủy lợi An giang
IV 4N	Thủy nông	cấp 2		Trung bình	672 GD/TCCB 9-10-82	Diệp	Sở TL Tiền giang
II 2Đ	Địa chất	cấp 2		Trung bình	1123/GD TCCB 20-10-82		Ban phân vùng kinh tế Tiền giang
III $3N_2$	Thủy nông	cấp 2		Khá	412/GD TCCB 2-10-87		Sở TL Long an
III $3C_2$	Thiết kế thi công	cấp 2		Trung bình	412/GD TCCB 2-10-87		Sở TL Hậu giang

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
263	176557	25-04-84	Lê cảnh Dần	09-05/62 Sông Bé
264	176558	25-04-84	Huỳnh Quang Luân	20-5-1960 Hậu giang
265	176559	25-04-84	Phan văn viếng	30-12-1963 Bến tre
~~266~~	~~176560~~	~~25-04-84~~	~~Trần văn Huân~~	
266	176560	25-04-84	Lê văn Cử	1-2-60 Nghệ tĩnh

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
ba 3C2	Thiết kế thi công	cấp 2		Trung bình	412/QĐ TCCB 2-10-87		Sở TL Sông Bé
bốn 4C2	thiết kế thi công	cấp 2		Trung bình	672/QĐ TCCB 9-10-82		Sở TL Hậu giang
bốn 4n	thủy nông	cấp 2		trung bình	672/QĐ TCCB 9-10-82		Sở TL Bến Tre
bốn 4C1	T. Kế thi công	cấp 3		Trung bình	889/QĐ TCCB 11-12-87		Sở TL Tiền giang

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
267	176561	25-04-84	Tống văn Lạc	26-4-57 Long an
268	176562	25-04-84	Lê thị Siêng	4-4-1957 Đà nẵng
269	176563	25-04-84	Nguyễn văn Chiêu	7-2-61 Minh Hải
270	176564	25-04-84	Đoàn thái Bích Duyên	10-8-61 TP-Hồ chí Minh
~~271~~	~~176565~~	~~25-04-84~~	~~Phạm huy Chương~~ (hư bằng) (có lưu bằng hư)	~~1962 Cửu long~~
272	176566	~~25-04-84~~	~~Thái Đức Thông~~ Huỹ (bỏ)	17-12-1959 Hậu giang

Số ....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
một 1C2	thiết kế thi công	cấp III		trung bình	1375/QĐ TCCB 23-10-79		Sở TL Long An
ba 3N1	thủy nông	cấp III		Khá	1123/QĐ TCCB 20-10-80		viện nghiên cứu TL TP. HCM
ba 3Đ	Địa chất	cấp 2		trung bình	412/QĐ TCCB 2-10-81		Sở TL Minh Hải
bốn 4C2	Thiết kế thi công	cấp 2		trung bình	672/QĐ TCCB 9-10-82	[signature] Phước Tùng	Sở TL Đồng Nai
~~bốn 4C2~~	~~thiết kế thi công~~	~~cấp 2~~		~~trung bình~~	~~672/QĐ TCCB~~ 9-10-82		Hủy bằng
ba 3N2	thủy nông	cấp 2		Giỏi	412/QĐ TCCB 2-10-81		Sở TL Hậu Giang

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
273	176567	25-04-84	Trần văn Quá	2-11-63 Tiền giang
274	176568	25-04-84	Nguyễn văn Hùng	10-7-63 Hà nam ninh
275	176569	25-04-84	Phạm uy Chương	1962 Cửu Long
~~276~~	~~176570~~	~~25-04-84~~	~~Đào hữu Thanh~~ (Hủ bằng) (Không thấy liên bằng)	~~13-07-63~~ Tiền giang
~~277~~	~~176571~~	~~25-04-84~~	~~Hà Hữu Chí~~	1962 Minh Hải
277	176571	25-04-84	Đào Hữu Thanh (Thất lạc → cấp chứng nhận ngày 12/9/2002)	13-07-63 Tiền giang
~~278~~	~~176572~~	~~25-04-84~~ (Hủ Bằng)	~~Hà Hữu Chí~~ (Không thấy liên bằng)	1962 Minh Hải

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
bốn HN	Thủy nông	cấp II		Khá	672/QĐ TCCB 9-10-82		Sở TL An giang
ba 3D	~~Địa Chất~~	cấp II		Trung bình	412/QĐ TCCB 2-10-81		Sở TL Minh Hải
bốn $4C_2$	Thiết kế thi công	cấp II		Trung bình	672/QĐ TCCB 9-10-82		Sở TL Cửu Long
bốn 4T	~~Trắc Địa~~	~~cấp II~~		Trung bình	~~56/QĐTCCB 16-2-84~~		Hủ bằng
5 5N	Thủy Nông	cấp III		Trung bình	318/QĐ TCCB 1-7-83		
bốn ~~H~~ 5T	Trắc Địa	cấp II		Trung bình	56/QĐ TCCB 16-2-84		Nông Trường Tân Hiệp T. G
năm 5N	Thủy Nông	cấp III		Trung bình	318/QĐ TCCB 1-7-83		Sở TL Minh Hải

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
279	176573	7-5-84	Lê Hoàng Duy An	25-12-1964 Kiên giang
280	176574	7-5-84	Lê văn Đạt	22-05-1959 Long an
281	176575	7-5-84	Trần văn Sơn	9-5-50 Kiên giang
282	176576	7-5-84	Dương Đình Phát	1-1-59 Quảng Nam - Đà Nẵng
283	176577	7-5-84	Đỗ thị Diễm	30-11-51 Hậu giang
284	176578	7-5-84	Mã Quý (Quí)	15-4-1957 TP. HCM.

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
III $3N_1$	thủy Nông	Cấp III		Trung bình	1123/QĐ TCCB 20-10-80		X
III $3C_1$	thiết kế thi công	Cấp III		Trung bình	1123/QĐ TCCB 20-10-80		X
~~III~~ $2C_1$	thiết kế thi công	Cấp III		Trung bình	1375/QĐ TCCB ~~1980~~ 1989	X	Sở TL Hậu giang
I TC_2	TKTC	Cấp III		T. Bình	680/TCCB 29-05-79	X	Sở TL Hậu giang
I TC_1	TKTC	Cấp III		T. Bình	680/TCCB 29-05-79	X	Sở TL Hậu giang
I TC_2	TKTC	Cấp III		T. Bình	680/TCCB 29-05-79	X	Sở TL Long An

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
285	176579	9-5-84	Nguyễn văn Đẹp	20-06-1959 Hậu giang sông bé
286	176580	9-5-84	Hồ văn thông	1959, Sông Bé
287	176581	9-5-84	Huỳnh thị thu thủy	7-9-59 sông bé
289	176582	9-5-84	Lục công Minh	8-9-60 sông bé
290	176583	16-5-84	Lương văn Bình	20-8-62 Bến Tre
291	176584	16-5-84	Hà thanh Tuấn	24-4-62 tiền giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
ba $3C_2$	TKTC	cấp II		Trung bình	4121 TCCB 2/10/81	X	Sở TL Sông Bé
ba $3C_2$	TKTC	cấp II		Khá	4121 TCCB 2/10/81	X	"
bốn $4C_1$	TKTC	cấp III		Trung bình	889 / TCCB 11. 12. 87	X	"
bốn $4C_2$	TK. TC	cấp II		Trung bình	672 / TCCB 9 - 10 - 82	X	"
bốn $4C_2$	TKTC	cấp II		Trung bình	672 / TCCB 9 - 10 - 82	X	Sở TL Bến Tre
bốn 4T	Trắc Địa	cấp II		Trung bình	672 / TCCB 9 - 10 - 82	X	Ban QLý ruộng đất T. Giang

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và t
1	2	3	4	5
292	176585	16-5-84	Nguyễn ngọc Lộc	01-01-58 Bình Định
293	176586	16-5-84	Phạm văn Mê	30-09-63 Tiền giang
294	176587	18-5-84	Nguyễn thị Mỹ Dung	10-5-61 Tiền giang
295	176588	18-5-84	Lê thị Cẩm	8-7-57 Long an
296	176589	18-5-84	Nguyễn văn Gần	29-5-58 Long an
297	176590	18-5-84	Nguyễn văn Triều	19-5-1957 Tiền giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Hai 2C2	TKTC	Cấp II		Trung bình	1123/TCCB 20-10-80		Sở TL Đồng Nai
bốn 4T	Trắc Địa	cấp II		Trung bình	672/TCCB 9-10-82		Sở TL sông Bé
bốn 4C2	TKTC	cấp II		Trung bình	672/TCCB 9-10-82		Sở TL tiền giang
bốn 4C1	TKTC	cấp III		Trung bình	889/TCCB 11/12-81		Sở TL Long an
hai 2N	Thủy Nông	Cấp III		Trung bình	1375/TCCB 1979		Sở TL Long an
hai 2C1	TKTC	cấp III		Trung bình	1375/TCCB 1980		Sở TL Minh Hải

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
298	176591	18-5-84	ngô thế minh	9-3-1956 Gia Định - TPHCM
299	176592	7/6/84	nguyễn thị ngoan (Hủy bằng) (không thấy biên bản hủy)	15-02-1964 Long an
300	176593	7/6/84	nguyễn thị ngọc Liên	20-10-60 Kiên giang
301	176594	7/6/84	Lê xuân Điều	7-1-49 Hà nam ninh
302	176595	7/6/84	Võ công Nhân	1-2-1963 Bến tre
303	176596	7/6/84	Nguyễn thị Ngoan	15-02-1964 Long an

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Hai $2C_2$	TKTC	Cấp hai		Trung bình	1123/TCCB 20-10-80		Sở TL Đồng Nai
Bốn HN	Thủy nông	Cấp hai		Trung bình	6721 TCCB 9-10-82	Hủ bằng	Sở TL Bến Tre
Hai 2D	Địa chất	Cấp hai		Trung Bình	1123/TCCB 20-10-80		Sở TL Tiền giang
Năm $5C_2$	TKTC	Cấp hai		Trung bình	56/TCCB 16-2-54		Sở TL Tiền giang
Năm 5T	Trắc Địa	Cấp Hai		Trung bình	56/TCCB 16-2-84		Trường TL3
Bốn 4N	Thủy Nông	cấp Hai		Trung bình	6721 TCCB 9-10-82		Sở TL Bến Tre

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
298	176591	18-5-84	Ngô thế minh	9-3-1956 Gia Định - TPHCM
299	176592	7/6/84	Nguyễn thị ngoan (Hư bằng) (Không thấy liên bằng hư)	15-02-1964 Long an
300	176593	7/6/84	Nguyễn thị ngọc Liên	20-10-60 Tiền giang
301	176594	7/6/84	Lê xuân Điểu	7-1-49 Hà nam Ninh
302	176595	7/6/84	Võ công Nhân	1-2-1963 Bến Tre
303	176596	7/6/84	Nguyễn thị Ngoan	15-02-1964 Long an

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Hai $2C_2$	TKTC	Cấp hai		Trung bình	1123/TCCB 20-10-80		Sở TL Đồng Nai
Bốn 4N	Thủy nông	cấp hai		Trung bình	6721/TCCB 9-10-82	Hủ bằng	Sở TL Bến Tre
Hai 2D	Địa chất	cấp hai		Trung Bình	1123/TCCB 20-10-80		Sở TL Tiền giang
Năm $5T_2$	TKTC	cấp hai		Trung bình	56/TCCB 16-2-84		Sở TL Kiên giang
Năm 5T	Trắc Địa	cấp Hai		Trung bình	56/TCCB 16-2-84		Trường TL_3
Bốn 4N	Thủy nông	cấp Hai		Trung bình	6721/TCCB 9-10-82		Sở TL Bến Tre

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)	Kh
1	2	3	4	5	6
304	176597	11/6/84	Vũ Nam	20 - 06 - 1957 Hà nam ninh	B 4
305	176598	11-6-84	Nguyễn Hữu Thành	15 - 8 - 60 TP Hồ chí Minh	H 2
306	176599	11-6-84	Nguyễn thị Hường Sơn	4 - 6 - 60 TP Hồ chí Minh	H 2
307	176600	11-6-84	Trương Hữu Dũng	12 - 7 - 55 Quảng Nam	B 4
308	176601	11-6-84	Bùi văn Mỹ	16 - 8 - 63 Long an	B 3
309	176602	11-6-84	Đinh Dũng Sĩ	24 - 03 - 60 Hậu giang	B 3

Số.....

Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
7	8	9	10	11	12	13
Thủy nông	Cấp hai		khá	672/TCCB 9-10-82		Phân viện Thiết kế TL TP-HCM
Địa chất	Cấp hai		Trung bình	1123/TCCB 20-10-80		Phân viện Thiết kế TL TP HCM
Địa chất	Cấp hai		Trung bình	1123/TCCB 20-10-80		Phân viện Thiết kế TL TP HCM
TKTC	Cấp Ba		Khá	889/TCCB 11-12-87		Phân viện Thiết kế TL TP HCM
Thủy nông	Cấp Hai		Trung bình	412/TCCB 2-10-87		Sở TL Long an
Thủy nông	Cấp Hai		Khá	412/TCCB 2-10-87		Sở TL Hậu giang

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
304	176603	26/6/84	Bùi văn Hồng	1962 Long an
305	176604	26/6/84	Hồ thanh Toàn	22 - 4 - 63 Long an
306	176605	26/6/84	Huỳnh văn Hưng	22 - 10 - 62 Tiền giang
307	176606	26/6/84	Trần văn Tiến	1963 tiền giang
308	176607	26/6/84	Trịnh Quang Cường	07 - 08 - 60 Minh Hải
309	176608	26/6/84	Ngô Hữu Phương	30 - 11 - 61 Hậu giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Ba 80	Địa chất	cấp Hai		Trung bình	412/TCCB 2-10-81	X	Ban quản lý công trình unicef Long an
Ba 80	Địa chất	cấp Hai		Trung bình	412/TCCB 2-10-81	X	Ban quản lý công trình unicef Long an
Bốn 4N	Thủy nông	Cấp Hai		Trung bình	672/TCCB 9/10/82	X	Ban Thủy lợi Cái Bè TG
Bốn 4T	Trắc Địa	Cấp Hai		Trung bình	672/TCCB 9/10/82	X	Ban Thủy lợi Cái Bè TG
Năm 5N	Thủy Nông	cấp Ba		Trung bình	2187 TCCB 1-7-83	X	Sở TL Minh Hải
Năm 5N	Thủy nông	Cấp Ba		Trung bình	318/TCCB 1-7-83	X	Sở TL Minh Hải

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
310	176609	26/6/84	Nguyễn Hoàng Ánh	15 - 10 - 63 Tiền giang
311	176610	26/6/84	Phạm văn Đúng	1 - 4 - 62 Long an
312	176611	26/6/84	Trần Trung Tín	19 - 2 - 63 TP Hồ chí Minh
313	176612	2/7/84	Nguyễn văn Toàn	25 - 04 - 62 Tiền giang
314	176613	2/7/84	Trương văn Kiệt	18 - 01 - 1958 Hậu giang
315	176614	2/7/84	Lê Anh Tuấn	17 - 8 - 1963 Hà nội Minh

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Bốn 4N	Thủy Nông	Cấp Hai		Trung Bình	672 TCCB 9-10-82		Sở TL Tiền giang
Ba 3D	Địa chất	Cấp Hai		Khá	412/ TCCB 2-10-87		Ban QLý công trình unicef Long an
Ba 3T	Trắc Địa	Cấp Hai		Khá	889/TCCB 11/12/87		Sở TL Hậu giang
Bốn 4C2	TKTC	Cấp Hai		Trung bình	672/TCCB 9/10/82		Ban TL Cái Bè Tiền giang
Bốn 4C2	TKTC	Cấp Hai		Trung Bình	672/ TCCB 9/10/82		Sở TL Hậu giang
Năm 5C1	TKTC	Cấp Ba		Khá	718/TCCB 1-7-83		CT Thủy Điện Trị An

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
316	176615	18/8/84	Võ Hoàng Vũ	14 - 7 - 1960 Minh Hải
317	176616	18/8/84	Nguyễn văn Đức	1962 Tiền giang
318	176.617	18/8/84	Nguyễn văn Hăng	25 - 10 - 59 Tiền giang
319	176.618	18/8/84	Lê ngọc Hân	8 - 12 - 60 TP. HCM
320	176.619	18/8/84	Ngô thị Thanh	19 - 7 - 63 Tiền giang
321	176.620	18/8/84	Trần thị Phương	12 - 4 - 63 Tiền giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Ba 3T	Trắc Địa	cấp II		Trung Bình	889/TCCB 11-12-81		Sở TL Minh Hải
Ba 3T	Trắc Địa	cấp II		Trung Bình	889/TCCB 11-12-81		Sở TL Minh Hải
Hai 2N	Thủy Nông	cấp III		Khá	1375/TCCB 1979		Đại Học Cần Thơ
Hai 2N	Thủy Nông	cấp III		Khá	1375/TCCB 1979		Đại Học Cần Thơ
Hai 2D	Địa Chất	cấp II		Trung Bình	1123/TCCB 20-10-80		Sở TL Long an
Bốn 4N	Thủy Nông	cấp II		Trung Bình	672/TCCB 9-10-82		Sở TL Tiền giang

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và
1	2	3	4	5
322	176.621	18/8/84	Trịnh văn Chân	5 - 5 - 1952 Hậu giang
323	~~176.622~~ ← 25/9/84 (Hủy bằng)		~~Nguyễn thanh Cảnh~~ Đặng văn Chất (Hủy)	~~25 - 10 - 1962~~ ~~Hà nam ninh~~
324	~~176.623~~ (Hủy bằng)	~~25/9/84~~	~~Nguyễn thanh Cảnh~~	~~25 - 10 - 1962~~ ~~Hà nam ninh~~
325	176.624	25/9/84	Nguyễn tấn Tài	1965 Tiền giang
325	176.625	25/9/84	Trần văn Dũng	1962 Tiền giang
326	176.626.	12/10/84	Hồ Kế Thành	17-3-58 Hậu giang
327	176.627	12-10-84	Đỗ Kỹ Khoa	20-7-59 Hậu giang
328	176.628	12/10/84	Trần minh Châu	9/3/57 Tiền giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Một IC2	TKTC	Cấp III		Trung Bình	1375/TCCB 1979		Sở TL Tiền giang
Năm 5N	Thủy Nông	Cấp II		Trung bình	318/TCCB 1-7-1983		Sở TL Minh Hải
Năm 5N	Thủy Nông	Cấp III		Trung bình	318/TCCB 1-7-83		Sở TL Minh Hải
Năm 5T	Trắc Địa	Cấp II		Giỏi	56/TCCB 16-02-84		Sở Xây Dựng Tiền giang
Ba 3T	Trắc Địa	Cấp II		Trung Bình	889/TCCB 11-12-81		Sở TL Tiền giang
Hai 2D	Địa Chất	Cấp II		Khá	1123/TCCB 20-10-80		Sở TL Hậu giang
Bốn 4N	Thủy Nông	Cấp II		Trung bình	672/TCCB 9-10-82		Sở TL Hậu giang
Một 1N	Thủy Nông	Cấp II		Trung Bình	1375/TCCB 1979		Sở TL Hậu giang

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
329	176.629	12/10/84	Dương thị Duy Mỹ	2 - 2 - 58 TP. HCM
330	176.630	12/10/84	Nguyễn mạnh Hảo	4 - 2 - 61 Hà nam Ninh
331	176.631	12/10/84	Đỗ thị Huyền	2 - 9 - 57 TP. Hồ chí Minh
332	176.632	12/10/84	Lê thị Hồng Vân	12 - 05 - 61 Kiên giang
333	176.633	12/10/84	Ngô văn Nghiệp	12 - 9 - 61 Kiên giang
334	176.634	12/10/84	Vũ minh công	5 - 10 - 1962 TP. HCM
335	176.635	12/10/84	Nguyễn quang Hoàng	21 - 8 - 1963 Bến Tre

Số ....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Ba 3Đ	Địa Chất	Cấp II		Trung bình	412 / TCCB 2/10/81		X Sở TL Hậu giang
Năm 5C2	TKTC	Cấp II		Trung bình	56 / TCCB 16/2/84		X Ban KT Dầu Tiếng. TN
Hai 2N	Thủy Nông	Cấp III		T Bình	1375 / TCCB 1979		X Sở TL Hậu giang
Năm 5C	TKTC	Cấp III		T Bình	318 / TCCB 1983		X Phòng XDựng Tân Hiệp - KG
Hai 2Đ	Địa Chất	Cấp II		T. Bình	1123/TCCB 20 - 10 - 80		X Đoàn KS Đông Nam Bộ
Bốn 4T	Trắc Địa	Cấp II		T Bình	672 / TCCB 9 - 10 - 82		X Sở TL Sông Bé
Bốn 4T	Trắc Địa	Cấp II		Khá	672 / TCCB 9 - 10 - 82		X Sở TL Sông Bé

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
~~336~~	~~176.636~~	~~10/12/84~~	~~Nguyễn thị Phúc~~ (Hủy bằng) (Không có bằng lưu)	~~15 - 01 - 1962~~ Long an
337	176.637	10-12-84	Trần thị Kim Thu ~~Nguyễn tấn Tới~~ (Hủy bằng) (Không có bằng hủy)	(Hủy có bằng) 24 - 07 - 1964 Long an
~~338~~	~~176.638~~	~~10-12-84~~	~~Trần thị Kim Thu~~	Bổ - đã cấp bằng mới ngày 24/5/94 ~~25 - 03 - 1955~~ ~~Nghệ Tĩnh~~
339	176.639	10-12-84	Trần ngọc Hải	07 - 07 - 1958 Bến Tre
340	176.640	10-12-84	Huỳnh Kim Hạnh	06 - 05 - 1962 Tiền giang
341	176.641	10-12-84	Huỳnh tịnh Thuý	04 - 10 - 1964 Nghĩa Bình

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
~~Hai~~ $2C_2$	~~thiết kế~~ thi công	~~cấp II~~		~~Trung bình~~	~~1123/TCCB~~ 20-10-80		Sở thể Dục thể thao Long an
Ba $3C_2$	TKTC	cấp II		Trung bình	412/TCCB 2-10-81		Sở TL Long an
~~Hai~~ ~~$2C_1$~~	~~TKTC~~	~~cấp III~~		~~Trung Bình~~	~~1375/TCCB~~ 1979	X	~~Sở TL~~ TP HCM
Hai $2C_1$	TKTC	cấp III		Trung bình	~~1375~~/TCCB 1979	X	Sở TL Bến Tre
Năm 5N	Thủy Nông	cấp III		Trung Bình	3187/TCCB 01-07-1983	X	Sở TL Tiền giang
Bốn 4N (5N)	Thủy Nông	cấp II		Trung Bình	3187/TCCB 01-07-83	X	Sở TL Long an

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
342	176.642	10-12-84	Nguyễn văn Bông	04-02-1957 Long an
343	176.643	10-12-84	Phan văn Dũng	01-07-1960 Cửu Long
344	176.644	10-12-84	Nguyễn Xuân Tân	7-7-1959 Bình Trị Thiên
345	176.645	10-12-84	Nguyễn Hồng Thái	14-10-1961 TP HCM
346	176.646	10-12-84	Nguyễn văn Cửu	25-05-1959 TP-HCM
347	176.647	10-12-84	Nguyễn Hữu Dũng	27-04-1962 Tiền giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Hai 2N	Thủy nông	cấp III		Trung bình	1375/TCCB 1979	X	Sở TL Long an
Năm 5C	TKTC	cấp III		Trung Bình	3187 TCCB 01-07-83	X	Sở TL cửu long
Bảy 3T	Trắc Địa	cấp II		Khá	889/TCCB 11-12-87	X	Sở TL Long an
Bốn 4T	Trắc-Địa	cấp II		TBình	672/TCCB 9-10-82	X	
Bốn $4C_2$	TKTC	cấp II		xuất sắc	672/TCCB 9-10-82	X	Sở TL TP HCM
Bốn 4T	Trắc Địa	cấp II		Trung Bình	672/TCCB 9-10-82	X	Ban QL Ruộng Đất Trung ương

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉn
1	2	3	4	5
348	176.648	10/12/84	Trương thị kim Anh	10 - 04 - 1962 tiền giang
349	176.649	10/12/84	Trần Duy Cẩm Thuyên	10 - 12 - 1964 tiền giang
350	176.650	10/12/84	Phạm văn Tuấn	12 - 3 - 1959 tiền giang
	176.651		không có bằng	
351	176.652	10/12/84	Lê thanh Hải	1 - 1 - 1960 tiền giang
	~~176.651~~		~~không có bằng~~	
352	176.653	10/12/84	Dương văn Sáu	1958 tiền giang
353	176.654	10-12-84	Nguyễn văn Châu	20 - 02 - 1961 tiền giang

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
[illegible]	Trắc Địa	Cấp II		Trung Bình	56 / TCCB 16 - 2 - 84	X [chữ ký]	Sổ TL Tiền giang
[illegible]	Thủy Nông	Cấp II		Trung bình	672 / TCCB 09 - 10 - 1982	X	Sổ TL Tiền giang
[illegible]	TKTC	Cấp III		Trung bình	1123 / TCCB 20 - 10 - 82	X	Sổ TL Tiền giang
[illegible]	Trắc Địa	Cấp II		Trung Bình	1123 / TCCB 20 . 10 - 82	X	Sổ TL Tiền giang
[illegible]	TKTC	Cấp II		Trung Bình	4121 / TCCB 2 / 10 / 81	X	Sổ TL Minh Hải
[illegible]	TKTC	Cấp III		Trung Bình	889 / TCCB 11 - 12 - 81	X	Sổ TL Tiền giang

đăng ký	của bằng	cấp bằng		
1	2	3	4	5
354	176.655	10/12/84	Nguyễn thị Phúc	15 - 01 - 1962 Long an
355	176.656	10/12/84	Nguyễn Tấn Tới	24 - 07 - 1964 Long an
356	176.657	10/12/84	Nguyễn thanh Cảnh	25 - 10 - 1962 Hà nam Ninh
357	176.658	10/12/84	Nguyễn Thanh Hải	21 - 04 - 1963 Ba Tri - Bến Tre
358	176.659	21/02/85	Lâm thị Trứng	1962 Thới Thuận - Thốt Nốt - Bến Tre
359	176.660	2/2/85	Lê Hoàng Sơn	Tân Thới - gò công Tây Tiền Giang 30 - 8 - 1962

Số.....

Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
7	8	9	10	11	12	13
TKTC	cấp II		TBình	1123/TCCB 20-10-80	X	Sở TDTT Long An
TKTC	cấp II		TBình	412/TCCB 02-10-1987	X	Sở TL Long An
Thủy Nông	cấp III		TBình	3187 TCCB 1-7-83	X	Sở TL Minh Hải
Thủy Nông	cấp II		TBình	6721/TCCB 9-10-82	X	Sở TL TP HCM
Thủy Nông	PTCS		TBình	6721/TCCB 9-10-82	X	Sở TL Tiền Giang
Địa Chất	PTCS		Khá	4121/TCCB 2-10-1987	X	Trường TL3